

Về khủng hoảng kinh tế thế giới hiện nay và giải pháp tránh khủng hoảng

NGUYỄN VĂN HẬU

Các sự kiện thế giới gần đây đã cho thấy, khủng hoảng kinh tế luôn là hiện tượng gắn liền với CNTB. Bài viết chỉ ra nguyên nhân, các giải pháp khắc phục khủng hoảng, đặc biệt nhấn mạnh vai trò quản lý kinh tế của nhà nước bằng công cụ kế hoạch hóa kết hợp với thị trường theo cách thức mới.

1. Khủng hoảng kinh tế thế giới là do những nguyên nhân nội tại của chủ nghĩa tư bản

Vào lúc giao thời của hai thế kỷ, ở Mỹ đã áp dụng một loạt các biện pháp buông lỏng điều tiết khu vực ngân hàng, đồng thời phát triển tự do hệ thống tài chính không có sự kiểm soát của chính phủ. Quá trình này đã dẫn đến sự sụp đổ của tín dụng cầm cố và châm ngòi cho sự sụp đổ liên tiếp của các định chế tài chính lớn nhất, buộc Chính phủ Mỹ và EC phải rót hàng trăm tỷ USD của nhà nước vào nền kinh tế để cứu vãn. Nói một cách ngắn gọn thì khủng hoảng năm 2008 là: thu hẹp khối lượng và thắt chặt điều kiện cho vay; giảm thiểu tích lũy tư bản của các tập đoàn sản xuất; sự tụt dốc của các chỉ số vốn, tăng thâm hụt ngân sách; suy thoái sản xuất, thất nghiệp tăng nhanh và cuối cùng là sự thu hẹp chi tiêu của người tiêu dùng.

Tại sao kinh tế thế giới tư bản hiện nay lại rơi vào khủng hoảng toàn diện và sâu sắc?

Theo chủ nghĩa Mác, câu trả lời về mặt nguyên tắc thật đơn giản: hệ thống kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa hàm chứa những nguyên nhân nội tại của khủng hoảng - đặc trưng của thị trường "tự do". Ngoài ra, còn có những nguyên nhân mới, đó là sự phát triển mạnh mẽ của tư bản tài chính như một lực lượng kinh tế thống trị trong điều kiện thị trường hiện đại. Chúng ta sẽ lần lượt xem xét

những nguyên nhân đó trên cơ sở lý luận khủng hoảng của C.Mác.

C.Mác cho rằng, trong điều kiện sản xuất và trao đổi hàng hóa như là một quá trình tái sản xuất thống nhất, tính tỷ lệ, tính cân đối của nền kinh tế không được hình thành một cách trực tiếp, mà chỉ hình thành tự phát sau khi đã có sự xung đột của các hàng hóa trên thị trường. Ở đây, sự tách biệt giữa những người sản xuất càng sâu sắc (các nhà kinh tế thuộc trường phái Min thì nói là cạnh tranh càng hoàn hảo), thì khả năng tiềm tàng của khủng hoảng càng lớn.

Vào tháng 10-2008 người Mỹ đã thừa nhận rằng, nguyên nhân của khủng hoảng là do quá tin vào cơ chế tự điều tiết của thị trường. Các nhà tư bản - những nhà kinh doanh đòi hỏi nhà nước rót vào nền kinh tế những nguồn dự trữ khổng lồ của xã hội, để đảm bảo cho mình tồn tại (sống sót). Và như thế, nhà nước đã mua các khoản "nợ xấu" để bảo vệ những người đầu cơ tài chính khỏi bị phá sản. Điều đó chứng tỏ rằng, cơ chế thị trường tự điều tiết không hoạt động, cần phải có sự điều tiết của xã hội, đảm bảo một cách tiên nghiệm sự cần thiết của xã hội về việc cái gì sẽ được sản xuất ra.

Theo C.Mác, khủng hoảng còn do sự không ăn khớp giữa mua và bán, gắn với chức năng

Nguyễn Văn Hậu, PGS. TS., Viện Kinh tế, Học viện Chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

của tiền với tư cách là phương tiện lưu thông, là dấu hiệu của vật ngang giá chung. Điều này tạo ra khả năng thoát ly của khu vực tài chính khỏi khu vực kinh tế thực, dẫn đến hình thành “bong bóng” tài chính. Những “bong bóng” này về bản chất không có giá trị và do đó không phải là tiền theo đúng nghĩa của nó.

Hiện nay, thế giới đã có sự thay đổi lớn, đó là sự hình thành khu vực tài chính khổng lồ (khu vực kinh tế ảo). Tư bản được đầu tư vào các hợp đồng tài chính nhằm thu được siêu lợi nhuận. Loại tư bản tài chính này, trong những thập niên gần đây đã tăng lên cực kỳ nhanh chóng và chuyển thành hiện tượng độc lập tương đối, hơn nữa nó lại quyết định động thái của tư bản trong khu vực kinh tế thực.

Nếu vào năm 1980 tài sản tài chính thế giới (những giấy tờ có giá – dấu hiệu của giá trị) là 12 nghìn tỷ USD, xấp xỉ GDP của thế giới (10 nghìn tỷ USD), thì năm 2007 là 195 nghìn tỷ USD, vượt quá 3,5 lần GDP toàn thế giới (55 nghìn tỷ USD)¹. Cho đến trước khủng hoảng – năm 2008 khu vực này trên thực tế là hoàn toàn độc lập. Nhưng thực ra, khi nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, chúng ta cũng thấy C.Mác đã chỉ ra rằng, tiền tệ (với tư cách là môi giới lưu thông, tiền giấy hay những tiền dấu hiệu khác) không phải là của cải ở bên ngoài hệ thống sản xuất hàng hóa.

Tiền với tư cách là phương tiện lưu thông chỉ là dấu hiệu của giá trị, mà giá trị là lao động xã hội cần thiết được vật chất hóa trong hàng hóa. Giá trị này có thể được phân chia hay tiếp tục phân chia lại giữa tất cả các lĩnh vực kinh tế khác nhau, trong đó có khu vực tài chính, hoạt động của khu vực này tự nó không tạo ra giá trị nào cả. (Tất nhiên, trong mức độ nhất định, khu vực tài chính đóng vai trò “phân hệ quản lý” kinh tế vĩ mô, thực hiện các chức năng mà chủ nghĩa Mác thế kỷ trước đã coi như là “kế toán xã hội”. Chức năng này - cũng như bất kỳ lao động quản lý nào, được quy định bởi sự cần thiết phải đảm bảo tái sản xuất, cũng là lực lượng sản xuất và tạo ra giá trị. Nhưng tỷ trọng của lao động

này và giá trị do nó tạo ra trong tổng thu nhập của khu vực tài chính là rất nhỏ. Trong bất kỳ trường hợp nào, bộ phận đó cũng nhỏ hơn rất nhiều so với GDP của toàn thế giới, trong khi như đã thấy, tư bản tài chính đã vượt quá GDP toàn thế giới gấp nhiều lần tất cả của cải luân chuyển trong lĩnh vực tài chính, theo quan điểm của C.Mác đều chỉ là sự phân phối lại giá trị được tạo ra trong lĩnh vực sản xuất. Ở đây, sản xuất hiện đại chỉ được đặc trưng bởi năng suất lao động cao, lao động này tạo ra trong sản xuất của cải bằng giá trị đủ để trang trải cho những người làm việc ở tất cả các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực tài chính. Tư bản tài chính, sau khi trừ đi giá trị của những hoạt động nâng cao hiệu quả của khu vực sản xuất vật chất, thì chỉ là của cải hư ảo, giá trị giả hoàn toàn.

Khủng hoảng đã làm cho tính hư ảo của của cải trong khu vực tài chính bắt đầu bộc lộ ra với một tốc độ nhanh chóng khủng khiếp. Đầu tư vào tài sản tài chính tăng nhanh và chính những tài sản này cũng nhanh chóng trở thành không có gì. Những nguồn tiền hư ảo đã hiện nguyên hình thực tế của nó, đó là giấy lộn hay những hình thức khác của giấy lộn, chỉ còn tồn tại trong tưởng tượng. Của cải này đã biến đi nhanh chóng một cách đáng kinh hãi: tổng số tư bản trên thị trường của tất cả các công ty trong nền kinh tế thế giới trong năm 2008 bị thu hẹp lại chỉ còn 30 nghìn tỷ USD, có nghĩa là bị thu hẹp nhiều lần². Như vậy khủng hoảng đã chứng minh tính đúng đắn của học thuyết giá trị lao động của C.Mác và tính độc lập tương đối của đồng tiền trong chức năng làm phương tiện lưu thông và phương tiện thanh toán (hầu như tất cả các tài sản tài chính trong thế kỷ XXI bằng cách này hay cách khác đều là phái sinh từ các khoản nợ tín dụng).

Theo quan điểm của tác giả bộ “Tư bản”, khủng hoảng sản xuất thừa từ chỗ tiềm tàng trở thành hiện thực chỉ khi xuất hiện tích lũy

1. Harvard business Review (www.hbr-russia.ru).

2. РосБизнесКонсалтинг

(http://www.quote.ru/rbc100/2008/11/index.shtml)

quá nhiều tư bản. Tư bản “thừa” này không mang lại lợi nhuận bình quân, hay nói chung là không thể có lợi nhuận do quy luật tỷ suất lợi nhuận có xu hướng giảm sút, một bộ phận đáng kể các nhà kinh doanh đang đứng trên bờ vực của phá sản hay sắp bị phá sản. Đó là tính quy luật trong điều kiện phát triển công nghệ hiện đại, làm biến đổi cấu tạo hữu cơ của tư bản và do đó, biến đổi tỷ suất lợi nhuận. Hệ thống quan hệ sản xuất TBCN sinh ra một mạng lưới phức tạp những hình thức tư bản giả, sai lệch vô lý cùng với việc tạo ra và chiếm giữ giá trị ảo. Và khi đó tất cả các nguyên nhân của khủng hoảng sản xuất thừa được thể hiện ra.

Trong những thập niên gần đây còn một yếu tố đặc biệt tăng cường tích lũy thừa tư bản là *sự phát triển ưu tiên của lĩnh vực tài chính*. Đối với CNTB nói chung và các giai đoạn tự do mới của nó nói riêng thì có đặc trưng là có sự di chuyển các nguồn lực (nguồn lực con người, nguồn tài chính...) từ lĩnh vực sản xuất vật chất sang các lĩnh vực mà ở đó không tạo ra một của cải vật chất nào: đầu cơ tài chính và các hình thức đa dạng của hoạt động môi giới; phát triển quá mức lĩnh vực tổ hợp công nghiệp quân sự; lĩnh vực quản lý nhà nước quan liêu và quản lý công ty đã phình to ra.

Trong tất cả những lĩnh vực này, theo quan điểm Mác xít, đã tạo ra *các hình thức của cải giả*, gọi là “khu vực giàu có giả tạo”. Sự ưu tiên phát triển khu vực này là hậu quả của tích lũy thừa tư bản trong khu vực sản xuất. Đã từ nhiều thập kỷ trước, tư bản bị hạn chế bởi những giới hạn phát triển của chính mình. Tư bản không thể tiếp tục được sử dụng một cách có hiệu quả trong những ngành tạo điều kiện cho tiến bộ của sức sản xuất, mà được hút vào lĩnh vực tài chính. Trong những thập niên gần đây, tỷ suất lợi nhuận trong lĩnh vực tài chính thường là lớn hơn ở khu vực sản xuất rất nhiều. Điều này lý giải tại sao có những khoản đầu tư lớn vào lĩnh vực này thậm chí cả từ phía những tập đoàn sản xuất.

Khủng hoảng ở Mỹ bắt đầu từ các công ty tài chính cho vay cầm cố đối với những người không có khả năng thanh toán để đầu cơ bất động sản với hy vọng giá bất động sản sẽ tăng, dẫn đến sự phá sản của các công ty tài chính. Trong những tháng sau đó, Chính phủ Mỹ đã mua các khoản “nợ xấu” có liên quan đến cho vay cầm cố, nghĩa là cứu vãn nền kinh tế khỏi quá trình sụp đổ của tư bản tích lũy thừa ở khu vực tài chính đang lan nhanh sang tất cả các lĩnh vực khác của nền kinh tế.

Khi chỉ ra bản chất của tín dụng với tư cách là phương tiện bành trướng cả chiều rộng và chiều sâu của tư bản, C.Mác đã chứng minh sự hình thành của tư bản cổ phần với tư cách là kết quả, là thể hiện của tư bản tài chính, tư bản tài chính này “sống” khác thường và chỉ là những hình thức phái sinh từ tư bản hoạt động, hoàn toàn tách rời khỏi quá trình tạo ra giá trị. Lợi tức cổ phần mong đợi phụ thuộc vào kết quả của quá trình thu lợi nhuận của công ty phát hành cổ phiếu, vào lãi suất (nghĩa là vào hoạt động của tư bản cho vay và tình hình thị trường vốn). Ở đây đặc trưng của thị trường nói chung là sự thoát ly của giá cả khỏi giá trị đã được nâng lên lũy thừa. Sự vận động của lao động xã hội trừu tượng được vật hóa trong hàng hóa – giá trị – bị tách rời xa khỏi khối lượng tư bản giả. Chỉ trong thời kỳ khủng hoảng mới rõ ra là, tư bản này là tư bản giả. Điều này biểu hiện rõ ở sự mất giá của cổ phiếu, sự tụt dốc của thị trường vốn... Tư bản giả không phải với nghĩa là nó không hiện thực, mà là một hiện thực đặc biệt: về bản chất của mình, nó không thể được xác định về số lượng và chất lượng, nó chỉ là hình thức phái sinh từ tư bản hoạt động, mà còn là phái sinh thứ hai, thứ ba... của hàng loạt các sự kiện.

Trong khoảng thời gian sau khi C.Mác viết bộ “Tư bản”, tư bản giả về cơ bản là đã biến đổi. Nhưng vấn đề không chỉ ở sự tăng trưởng nhanh hơn của khu vực tài chính, mà còn cả ở sự thống trị của tư bản tài chính đối với tất cả các lĩnh vực còn lại của nền kinh tế. Sự thống trị này hiện nay đã làm biến đổi tư

bản giả. Một mặt, với tư cách là hình thức thống trị của tư bản, dựa trên quyền lực của các công ty khổng lồ (nắm trong tay khối lượng lớn của cải của xã hội ngang với tiềm năng của một nhà nước trung bình), dung hợp với các nhà nước hùng mạnh nhất trên thế giới, tư bản tài chính có sức mạnh lớn hơn rất nhiều. Mặt khác, nó ngày càng thoát ly khỏi cơ sở vật chất của mình, tách khỏi tư bản ở các lĩnh vực mà ở đó tạo ra giá trị và trở thành tư bản giả, sự chuyển hóa đó đã được các nhà khoa học Mỹ và Châu Âu gọi là tài chính hóa (financialization).

Tài chính hóa được xác định bằng những đặc trưng chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, có bước phát triển về số lượng và chất lượng có lợi cho khu vực tài chính (tăng lên với tốc độ cao khối lượng những hợp đồng có tỷ suất lợi nhuận cao, chảy vào lĩnh vực này các nguồn lực con người và các nguồn lực khác, hình thành những thể chế mới...).

Thứ hai, dường như khu vực này có ảnh hưởng quyết định đến toàn bộ hệ thống sở hữu các nguồn lực (hướng các dòng đầu tư, việc thông qua quyết định, cơ cấu giá cả trong toàn bộ nền kinh tế hiện nay phần nhiều được xác định bởi tình hình thị trường của khu vực tài chính). Ngoài ra, sự phát triển ưu tiên của tư bản tài chính đã trở thành “người điều tiết” – thay thế sự tác động của nhà nước đến nền kinh tế.

Thứ ba, có sự biến đổi căn bản quan hệ sở hữu và phân phối thu nhập (hệ thống quyền sở hữu đối với tư bản giả thường xuyên biến đổi, hàng tỷ đôla thay đổi chủ sở hữu của mình trong từng giây, hàng nghìn tỷ - trong mỗi ngày).

Cuối cùng, toàn bộ hệ thống tái sản xuất xã hội có được những đặc trưng riêng, trong đó sự phụ thuộc của quá trình tái sản xuất xã hội vào những yếu tố ngẫu nhiên, tính rủi ro, không ổn định của hệ thống kinh tế, những cơn sốt... tăng lên. Đó là những đặc tính làm căn cứ để gọi hệ thống này là “chủ nghĩa tư bản casino”.

Vì vậy, thường xuyên thay đổi chủ sở hữu và sự xói mòn, khuyếch tán quyền sở hữu là thuộc tính của tư bản tài chính giả. Tư bản tài chính giả xóa đi những đặc trưng của tư bản như: tính quản lý, tính kế hoạch, đối với tư bản giả thì trò chơi trên thị trường chứng khoán được thay thế cho kế hoạch và quản lý. Tư bản tài chính hoàn toàn thoát khỏi quá trình tự điều tiết *sản xuất* của thị trường, khối lượng và hiệu quả của nó phụ thuộc trước hết không phải vào chất lượng sản phẩm và chi phí sản xuất ra sản phẩm, mà vào những yếu tố ngẫu nhiên, vào sự thay đổi tình hình thị trường tư bản giả. Tư bản này không có một định vị nào trong không gian, thời gian của đời sống kinh tế và được “phi lãnh thổ hóa”, không có “địa chỉ”... Như thế, nó dễ dàng thoát khỏi bất kỳ sự điều tiết nào của quốc gia, quốc tế. Tư bản giả tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau: trong mạng lưới máy tính, các chứng khoán, cũng có thể đơn giản chỉ là những ảo tưởng, các loại tiền (đặc biệt là tiền thuộc M3), khi trở thành cái gì đó phái sinh từ tư bản tài chính giả, nó không còn là vật ngang giá chung nữa và chuyển hóa thành tư bản đặc biệt mạo hiểm, “tư bản – mạo hiểm”.

Tư bản tài chính giả, khi đạt tới quy mô khổng lồ đã chuyển hóa thành “hộp đen” đặc biệt, tồn tại độc lập tương đối với hệ thống tái sản xuất xã hội. Những biến đổi trong kết cấu và khối lượng của nó diễn ra nhanh chóng, nó có mặt ở khắp mọi nơi, sự hiểu biết cấu tạo bên trong, hệ thống tác động lẫn nhau của nó... là một nhiệm vụ không thể giải quyết được về mặt nguyên tắc. Về lý luận và thực tiễn, mô hình điều chỉnh hoạt động của cái “hộp đen” này là không có. Với tư cách là “hộp đen”, nó có khả năng tiếp tục hoạt động một cách ổn định tương đối, nhưng cũng có thể để ra khủng hoảng tài chính. Đây là hệ thống không thể nhận thức và không thể điều tiết được.

2. Các giải pháp khắc phục khủng hoảng kinh tế thế giới

Giới kinh doanh tài chính cách đây không lâu đã cho rằng, hệ thống “hộp đen” này có

khả năng tự điều tiết và cho đến nay, mọi người đều thấy rõ đó là sai lầm. Những người phản biện họ (trong đó có những người Mác-xít) đã khẳng định rằng, cuộc khủng hoảng đó có thể nổ ra trong bất cứ thời điểm nào, nhưng không có ai, về nguyên tắc, có thể nói chính xác, khi nào nó sẽ xảy ra. Người ta chỉ có thể nói áng chừng rằng, trong khoảng thời gian 10 năm tới, hay trong thời gian gần nhất cuộc khủng hoảng như thế có thể xảy ra.

Học thuyết của C.Mác đã chứng minh rằng, mâu thuẫn bên trong của phương thức sản xuất TBCN quy định tính tất yếu khách quan phải đưa nhà nước vào hoạt động kinh tế. (Ở đây kết luận đó chính là thuộc về những người Mác-xít, chứ không phải là thuộc về Keynes. Vào đầu thế kỷ XX, các nhà Mác-xít Nga và sau đó là các nhà dân chủ - xã hội Đức và nhiều nhà Mác-xít khác đã chứng minh tính quy luật đó. Tư tưởng về điều tiết gián tiếp khu vực sản xuất hàng hóa TBCN trên thực tiễn đã được thực hiện trong thời kỳ chính sách kinh tế mới ở Liên Xô – trước Keynes hàng chục năm. Lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa Mác đã chứng minh rằng, nhà nước trong điều kiện TBCN không chỉ là người hình thành các “luật chơi” và đảm bảo tính ổn định của chúng (như bảo hộ quyền sở hữu, ổn định hệ thống tiền tệ...), mà còn với tư cách là một loại tư bản đặc biệt (sở hữu nhà nước, kinh doanh của nhà nước, đơn đặt hàng của nhà nước, đóng vai trò “mạnh thường quân”...) và là chủ thể điều tiết kinh tế, hạn chế cơ chế tự điều tiết của thị trường.

Khủng hoảng đã buộc tất cả những người theo chủ nghĩa tự do mới và cả những người biện hộ cho họ đều phải nhớ lại tính tất yếu cần phải có sự điều tiết của nhà nước. Tất cả các chính phủ trên thế giới đều áp dụng những bước đi nhanh chóng để thay thế sự tự điều tiết của thị trường bằng những tác động trực tiếp có ý thức vào nền kinh tế. Nhưng sự điều phối đó chỉ che giấu những mâu thuẫn sâu sắc bên trong của CNTB. Đằng sau những chương trình thoát khỏi khủng hoảng, các mâu thuẫn về lợi ích kinh tế của các tầng lớp xã hội khác nhau trong xã hội hiện đại bị

che đậy đi. Hàng nghìn tỷ USD lấy từ nguồn đóng thuế của dân đã được các Chính phủ Mỹ, EU... dùng để hỗ trợ trước hết cho các định chế tài chính tư nhân nhằm đảm bảo ổn định hệ thống tài chính. Điều này dường như là phù hợp với lợi ích của mọi người dân trong nước (ngăn cản sự mất giá của các khoản tiền gửi, duy trì việc làm...), nhưng thực ra là hỗ trợ cho chính các chủ thể kinh tế mà hoạt động đầu cơ và thu nhập siêu ngạch của họ đã trở thành nguyên nhân trực tiếp nổ ra khủng hoảng.

Nếu người ta gọi một cách đúng đắn nền kinh tế trong 10 năm gần đây là “chủ nghĩa tư bản sòng bạc”, thì cần phải nhấn mạnh: xã hội, vì các cuộc chơi trong các sòng bạc, không nên hỗ trợ cho các con bạc - đó là luật của sòng bạc. Các nguồn vốn ngân sách nhà nước không thể chảy vào các ngân hàng thương mại, mà cần dùng để trực tiếp hỗ trợ cho sản xuất, việc làm xã hội, giải quyết các vấn đề xã hội *không cần phải thông qua các định chế tài chính tư nhân*. Để hỗ trợ sản xuất của cải vật chất và dịch vụ, có thể sử dụng cơ chế cho vay hoặc cấp vốn trực tiếp của nhà nước một cách nghiêm ngặt, theo sự thực hiện các chương trình sản xuất, các dự án quốc gia (các chương trình và dự án này cần phải được tăng lên về số lượng). Cần nhấn mạnh rằng chính sách này đang được áp dụng ở Trung Quốc, ở đó có hơn 500 tỷ USD được Nhà nước dành cho phát triển kết cấu hạ tầng, nông nghiệp và các ngành có hàm lượng khoa học cao, giải quyết các nhiệm vụ xã hội, nhân đạo và sinh thái. Những giải pháp đó về mặt nguyên tắc khác với những giải pháp được áp dụng ở Mỹ, nơi mà 700 tỷ USD được dùng để giúp đỡ các định chế tài chính tư nhân.

Khi nói về các giải pháp khắc phục khủng hoảng, có thể thấy: nếu cân cân lực lượng kinh tế-xã hội không được hình thành vì lợi ích của đa số nhân dân, thì việc thoát khỏi khủng hoảng sẽ đi theo kịch bản đẩy mạnh tập trung hóa tư bản và tiếp tục củng cố một vài định chế tài chính lớn nhất, trong khi làm xấu đi, làm nghiêm trọng thêm hoàn

cảnh của phần lớn những người kinh doanh hàng hóa và dịch vụ và làm giảm cơ bản chất lượng sống của tất cả các tầng lớp lao động làm thuê, kể cả những người làm thuê trong lĩnh vực tài chính. Kịch bản này hiện nay có thể được thực hiện nhiều hơn, vì những biện pháp khôi phục kinh tế nằm trong chương trình của các chính phủ các nước đứng đầu thế giới. Với kịch bản đó, chúng ta có thể dự đoán sự xuất hiện một mô hình CNTB mới – mô hình ngược lại với mô hình tự do mới của CNTB toàn cầu đầu thế kỷ XXI. Việc gia tăng sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế sẽ giúp các nước có thể thoát khỏi ngõ cụt khủng hoảng hiện nay, nhưng với bản chất và những mâu thuẫn nội tại của mình, chủ nghĩa tư bản toàn cầu chắc chắn lại sẽ gặp phải cái ngõ cụt ấy (khủng hoảng như đã chúng kiến). Vì theo C.Mác, “Nguyên nhân cuối cùng của mọi cuộc khủng hoảng thật sự bao giờ cũng vẫn là sự nghèo khổ của quần chúng và tính chất hạn chế của sự tiêu dùng của họ, đối lập với cái xu hướng của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa là muốn phát triển các lực lượng sản xuất tựa hồ như chúng chỉ bị hạn chế bởi sự tiêu dùng tuyệt đối của xã hội mà thôi”³.

Con đường cơ bản hơn (từ những gì có thể trong phạm vi phương thức sản xuất TBCN) là xã hội hóa tài chính. Thực chất là can thiệp trực tiếp vào lĩnh vực tài chính, trừ bỏ những bong bóng tài chính, đồng thời giữ lại những chức năng có ích của hệ thống tài chính. Thí dụ, những bước đi này đòi hỏi phải quốc hữu hóa những định chế ngân hàng lớn nhất với sự đảm bảo trực tiếp các khoản tiền gửi và từng bước bồi thường cho các cổ đông của các ngân hàng về giá trị cổ phiếu của họ (trách nhiệm về các hợp đồng tài chính không thành công phải được xác định người phải chịu trách nhiệm chứ không là xã hội); bắt buộc phải hợp nhất vào một số định chế lớn và chuyển sang đặt dưới sự kiểm soát của nhà nước – của xã hội đối với những ngân hàng vừa và nhỏ... Những điều liên quan đến việc đảm bảo các khoản tiền gửi, thì chúng có thể và cần phải được thực hiện đầy

đủ chỉ đối với các khoản tiền gửi nhỏ và vừa gắn liền với tiền công và lương hưu tiết kiệm, các khoản cầm cố...

Một số quốc gia lựa chọn giải pháp ưu tiên mục tiêu kinh tế - xã hội; hạn chế kinh doanh lớn, xã hội hóa giáo dục, y tế, tài chính như Na Uy hay Venêzuêla..., nhưng điều đó phụ thuộc vào chỗ tiềm năng các quốc gia hiện đang thi hành chính sách đó có đủ mạnh hay không.

Có thể có những bước đi mềm dẻo hơn, gắn với sự kiểm soát của xã hội – nhà nước đối với lĩnh vực tài chính, với việc hạn chế các nghiệp vụ đầu cơ tài chính và những thu nhập từ đầu cơ... Tất cả những đề xuất đó không có gì là mới cả. Các nhà thử nghiệm theo trường phái chủ nghĩa tự do mới đã từ lâu đều biết những phương án có thể lựa chọn đó, hơn 10 năm về trước khi chỉ ra rằng, khủng hoảng tài chính trong điều kiện ưu tiên phát triển tư bản tài chính là có thể xảy ra trong bất cứ thời điểm nào.

3. Giải pháp phát triển nền kinh tế tránh khủng hoảng theo quan điểm Mác-xít

Theo C.Mác, sản xuất và trao đổi hướng đến nhu cầu thực tế của xã hội càng đầy đủ và chính xác, thì khủng hoảng sản xuất thừa càng ít có khả năng xảy ra. Cho nên toàn bộ các biện pháp điều tiết chống khủng hoảng sẽ là như sau: làm thế nào để người sản xuất có được sự đảm bảo của xã hội chứ không phải là sự đảm bảo của thị trường về mặt sản xuất (đầu tư được đảm bảo, tín dụng giá rẻ v.v...) và thực hiện được giá trị sản phẩm hàng hóa của mình (thu mua của nhà nước hay hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm...).

Cần nhấn mạnh rằng, qua khủng hoảng, các nhà kinh tế, kể cả những người lâu nay vẫn theo trường phái "thị trường tự điều tiết" đều thừa nhận vai trò của nhà nước, nhưng mọi sự can thiệp của nhà nước phải dựa trên đường ray của cơ chế thị trường và không được

3. C.Mác và Ăngghen, Toàn tập, T.25, phần II, NXB CTQG Sự Thật, H., 1994, tr.43-44.

đi chệch khỏi đường ray đó. Muốn vậy, để có thể tránh được khủng hoảng trong quá trình phát triển kinh tế thị trường, thì chỉ có con đường duy nhất là phải kết hợp kế hoạch với thị trường, coi thị trường vừa là đối tượng, vừa là căn cứ của kế hoạch. Điều này đã được V.I.Lênin chỉ ra trong thời kỳ thực hiện NEP ở Liên Xô trước đây. Lần đầu tiên trong thực tiễn thế giới, những nguyên lý kế hoạch hóa được áp dụng trong việc kết hợp cân đối kinh tế quốc dân, thi hành chính sách kinh tế mới, soạn thảo kế hoạch điện khí hóa (GOELRO) và kết hợp kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế quốc dân Liên Xô trước đây, kết hợp các phương pháp kinh doanh theo kế hoạch và thị trường.

Kế hoạch và thị trường đều có đặc điểm chung là, cả kế hoạch hóa và thị trường với tư cách là cơ chế điều tiết các quá trình kinh tế, đều có mong muốn là tăng trưởng bền vững, tạo việc làm, đảm bảo giá cả ổn định, phát triển đồng đều; đồng thời kế hoạch và thị trường có những điểm khác nhau:

Kế hoạch hóa là phương pháp điều tiết dựa trên nguyên tắc “từ chung đến riêng” với yêu cầu lợi ích nhà nước là lợi ích phải được ưu tiên trong thực hiện hoạt động kinh tế; nhưng kế hoạch ở đây chỉ là kế hoạch định hướng đối với sản xuất với tư cách là giai đoạn khởi đầu của tái sản xuất sản phẩm và dịch vụ; hướng vào việc tạo ra giá trị sử dụng và thỏa mãn nhu cầu xã hội và nhu cầu cá nhân của dân cư. Phương pháp kế hoạch hóa kinh doanh đóng vai trò là đòn bẩy tác động trực tiếp đến nền kinh tế.

Thị trường xuất phát từ nguyên tắc “từ riêng đến chung”, lợi ích riêng (tư nhân) là lợi ích ưu tiên trong việc thực hiện hoạt động kinh tế. Trong quá trình hoạt động, thị trường bao quát chủ yếu là giai đoạn lưu thông – giai đoạn trung gian giữa sản xuất và tiêu dùng; hướng đến thỏa mãn nhu cầu có khả năng thanh toán của dân cư. Giá cả được hình thành do quan hệ cung và cầu trên thị trường là công cụ quan trọng nhất của quan hệ thị trường. Thị trường với tư cách là

phương pháp kinh doanh đóng vai trò là đòn bẩy tác động gián tiếp đến các quá trình kinh tế-xã hội.

Có thể nói, hiện nay kết hợp kế hoạch với thị trường là vấn đề quan trọng nhất. Kế hoạch hóa của nhà nước nói chung không có nghĩa là tập trung hóa tất cả các mặt hoạt động kinh tế. Ngược lại, những người sản xuất được độc lập và tự chịu trách nhiệm, với sự hiện diện của cơ chế thị trường, họ có thể đảm bảo tăng nhanh sản xuất, điều đó cho phép nhà nước tập trung chú ý vào những vấn đề mấu chốt của sự phát triển nền kinh tế quốc dân, kích thích những người sản xuất độc lập tham gia vào những hoạt động có lợi cho đất nước.

Việc thực hiện NEP là một thí dụ điển hình của quan điểm đó, NEP khi hợp thức hóa, công khai hóa thị trường đã tạo ra những điều kiện thuận lợi để kế hoạch hóa. Ngược lại, chủ nghĩa tự do mới từ bỏ sử dụng phương pháp kế hoạch trong điều tiết nền kinh tế thị trường, phủ nhận khả năng sử dụng kế hoạch hóa; tách nhà nước ra khỏi nền kinh tế, đối lập kế hoạch với thị trường. Theo ý kiến của những người thuộc trường phái này, trong phạm vi một hệ thống kinh tế, sự hoạt động của hai cơ chế khác nhau: cơ chế hành chính và cơ chế thị trường tác động trên những nguyên tắc khác nhau sẽ phá vỡ sự toàn vẹn của hệ thống.

Nhưng thực tiễn đã chứng minh rằng, nếu muốn bảo vệ tự do, thì chính sách tự do kinh tế không hạn chế cần phải được thay thế bằng sự can thiệp có kế hoạch của nhà nước vào nền kinh tế và trong nền kinh tế thị trường, kế hoạch là phương thức kết nối các mục tiêu, các nguồn lực và các chủ thể kinh tế thị trường thành một thể thống nhất, cho phép hình thành một hệ thống hoạt động hiệu quả.

Với sự tăng lên của tập trung hóa sản xuất và sự phức tạp của các mối quan hệ kinh tế, việc duy trì cân bằng bền vững với sự hỗ trợ của các công cụ thị trường ngày càng trở nên khó hơn. Các công cụ điều tiết thị

trường dưới dạng thuế, lãi suất tín dụng được sử dụng để khắc phục sự mất cân bằng và hình thành các tỷ lệ cân đối chủ yếu là trong ngắn hạn. Khác với thị trường, kế hoạch cân đối sản xuất với tiêu dùng, nghĩa là hình thành những cân đối cơ bản trong một triển vọng dài. Ở đây các chỉ tiêu tăng trưởng và các tỷ lệ cân đối kinh tế có thể được hình thành trên cơ sở các phương hướng phát triển và xây dựng các chương trình kế hoạch.

Kế hoạch chỉ mang tính chất hướng dẫn và được thực hiện dưới dạng kết hợp các chương trình khác nhau hướng đến giải quyết các vấn đề kinh tế – xã hội quan trọng nhất. Việc thu hút và tuyển chọn các công ty vào thực hiện các chương trình đó được tiến hành trên cơ sở cạnh tranh. Các chương trình thường được hợp thức hóa dưới hình thức đơn đặt hàng của nhà nước, được đảm bảo bằng các nguồn lực và thường là có lợi nhuận cao.

Để tránh được khủng hoảng, cần phải đảm bảo các tỷ lệ cân đối kinh tế quốc dân. Trong điều kiện thị trường, tỷ lệ cân đối được thực hiện trên cơ sở hệ thống các hợp đồng theo kế hoạch, trong hệ thống đó các tỷ lệ phát triển kinh tế quốc dân giữa các ngành, các vùng trở thành đối tượng của kế hoạch kinh tế quốc dân. Chính quyền các cấp, các tập đoàn kinh tế và các xí nghiệp quan trọng nhất đóng vai trò là chủ thể của kế hoạch hóa. Ở đây cần phải nhấn mạnh rằng kế hoạch pháp lệnh được thay thế bằng kế hoạch – hợp đồng. Nói chung hiệu quả hoạt động của nền kinh tế quốc dân có thể được đảm bảo trong điều kiện tạo ra được một hệ thống đồng bộ thống nhất kế hoạch hóa ngắn hạn, trung hạn và dài hạn trên tất cả các cấp độ của nền kinh tế quốc dân. Muốn vậy, cần phải tăng cường công tác dự báo và xây dựng các chương trình phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, lập kế hoạch triển vọng dài hạn (10 năm), trung hạn (từ 3 - 5 năm), ngắn hạn (1 năm), các dự án phát triển khu vực kinh tế nhà nước hàng năm; kiểm soát được trạng thái nền kinh tế hằng tháng. Chẳng hạn, đối với nước ta hiện nay cần có kế hoạch thu hẹp

dẫn việc xuất khẩu hàng nguyên liệu, hàng sơ chế, tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến trong cơ cấu công nghiệp để nâng cao tỷ trọng hàng tinh chế có giá trị gia tăng cao trong tổng số hàng hóa xuất khẩu. Chuyển sang sản xuất và xuất khẩu những sản phẩm có hàm lượng khoa học công nghệ cao; tạo ra và thực hiện các dự án khoa học – kỹ thuật “đột phá”. Trong nông nghiệp, phải hình thành các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa quy mô lớn; xây dựng cơ cấu kinh tế nông thôn: tăng dần tỷ trọng công nghiệp chế biến, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ để giải quyết lao động dư thừa ở nông thôn, trên cơ sở đó phát triển mạnh mẽ thị trường nội địa.

Trong việc sử dụng các phương pháp kế hoạch và thị trường để điều tiết phát triển kinh tế – xã hội, cần phải tạo ra một hệ thống ba cấp: cấp vi mô, cấp trung gian và cấp vĩ mô.

- *Cấp vi mô*: các công ty là các chủ thể kinh doanh, một mặt, là người sản xuất của cải vật chất và dịch vụ; mặt khác là hình thức phối hợp và tổ chức các mối liên hệ cùng có lợi giữa các chủ thể kinh tế, sự hình thành một cách tối ưu các mối quan hệ này sẽ đảm bảo tiết kiệm được chi phí giao dịch. Trong việc đánh giá các quan hệ thị trường và quan hệ nội bộ các công ty cần phải xuất phát từ chỗ, các mối quan hệ nội bộ công ty được hình thành trên cơ sở phương pháp phối hợp hành chính – kế hoạch, còn quan hệ thị trường – trên cơ sở quan hệ cầu – cung. Do đó cần tạo ra ở mỗi xí nghiệp các cơ quan và bộ phận cần thiết đảm bảo hoạt động của nó trong điều kiện thị trường, liên kết các xí nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau thành một cơ cấu có khả năng cạnh tranh lớn. Dưới hình thức những bộ phận cơ cấu như vậy có thể là những tập đoàn công nghiệp – tài chính kiểu công ty dựa trên cơ sở liên kết thương nghiệp, tài chính, công nghiệp với sự thu hút cả các tổ chức tài chính – tín dụng. Những tổ chức này có khả năng đầu tư lớn cho phép cùng thực hiện các chương trình mục tiêu mà các xí nghiệp riêng rẽ không thể làm được.

Sự hình thành các tập đoàn công nghiệp – tài chính với tư cách là một quá trình khách quan có thể thực hiện hoặc không có sự tác động của nhà nước hoặc có sự tác động của nhà nước. Trong trường hợp thứ nhất, nếu trên cơ sở các quá trình tự nhiên, việc cải cách công nghiệp có thể bị kéo dài nhiều năm thậm chí hàng chục năm. Điều đó gắn liền với việc thiếu vốn, với tình thế kinh tế phức tạp, với việc phá vỡ những mối liên hệ công ty... Con đường thứ hai là việc hình thành các tập đoàn công nghiệp - tài chính với sự tác động từ phía nhà nước. Theo quan điểm này thì đồng thời phải giải quyết hai vấn đề to lớn của nền kinh tế quốc dân: *một mặt*, tạo ra những tập đoàn công nghiệp – tài chính lớn dưới dạng là hình thức khắc phục sự ngừng trệ của công nghiệp và là một bộ phận của chương trình chung khắc phục khủng hoảng và làm lành mạnh nền kinh tế quốc dân; *mặt khác*, các tập đoàn công nghiệp – tài chính nắm giữ các ngành chủ đạo của nền kinh tế quốc dân, thực hiện vai trò “kết cấu rường cột” của hệ thống kinh tế hiện đại. Sự hoạt động có kết quả của các tập đoàn công nghiệp – tài chính dưới hình thức này đảm bảo làm tích cực hóa các quá trình sản xuất trong toàn bộ nền kinh tế của đất nước.

- *Cấp trung gian*: tính phức tạp của việc lựa chọn cơ chế là do sự khác nhau rất lớn về tự nhiên giữa các vùng, các địa phương bởi kết cấu kinh tế – xã hội và sản xuất đã được hình thành gắn liền với trung ương. Cơ chế điều tiết các quá trình của vùng địa phương, sự hoàn thiện và hoạt động của nó có ảnh hưởng quyết định đến tăng trưởng kinh tế, khai thác và sử dụng các nguồn dự trữ tự nhiên, phát triển chế độ quản lý.

Theo quan điểm thị trường có sự quản lý của nhà nước, cần coi vùng, địa phương là bộ phận cấu thành hữu cơ của nền kinh tế đất nước. Bản chất của quan điểm này là ở chỗ, nhà nước thực hiện phân phối lại các nguồn lực theo không gian, đảm bảo hình thành cơ cấu vùng của nền kinh tế quốc dân. Để đạt

mục đích đó người ta còn sử dụng các công cụ như tài chính, tín dụng – tiền tệ và điều tiết trực tiếp.

Để khắc phục tình trạng chia cắt cục bộ, phải áp dụng các biện pháp để một mặt, củng cố các cơ quan hành chính và mở rộng quyền của các cơ quan chính quyền nhà nước ở các cấp; mặt khác – mở rộng quyền tự chủ kinh doanh của các doanh nghiệp. Đồng thời thi hành chính sách mở rộng quyền của các cơ quan chính quyền cấp dưới, của các ngành với sự duy trì lãnh đạo tập trung với sự kết hợp lợi ích của địa phương và lợi ích của trung ương.

Ở cấp trung ương, đảm bảo những điều kiện pháp lý tạo điều kiện phát triển có hiệu quả những sáng kiến của vùng (sử dụng có hiệu quả các lĩnh vực tài chính hướng đến giảm bớt các quá trình khác biệt (chênh lệch) thu nhập giữa các vùng, không cho phép tăng giá theo các vùng riêng lẻ, ngăn ngừa những tình huống cục đoạn).

Ở cấp vùng, mở rộng quyền tự chủ trong lĩnh vực chính sách kinh tế cho phép thực hiện cải cách pháp luật có liên quan đến thực hiện những ưu thế của mỗi vùng cụ thể bằng con đường cải thiện môi trường kinh doanh.

Ở cấp xí nghiệp tạo ra điều kiện cho sự tác động chặt chẽ hơn giữa các chủ thể theo “chiều dọc” và “chiều ngang”, khi củng cố các mối quan hệ ngành và lãnh thổ dưới hình thức duy trì các kết cấu như các tập đoàn công nghiệp – tài chính vùng và các tập đoàn xây dựng – tài chính.

- *Cấp vĩ mô*: trong kinh tế thị trường, thị trường điều tiết hoạt động của những người sản xuất, còn nhà nước thực hiện chức năng điều tiết các quan hệ thị trường, điều tiết hoạt động của thị trường. Phương thức quan trọng nhất của sự tác động của nhà nước đến các quá trình kinh tế trong điều kiện thị trường là tác động thông qua khu vực kinh tế nhà nước. Khu vực kinh tế nhà nước bao gồm các DNNN và tài sản của nhà nước như

ngân sách nhà nước, các quỹ dự trữ quốc gia... Thông qua các DNNN, nhà nước giải quyết những nhiệm vụ kinh tế - tổ chức nhằm tạo ra cơ cấu sản xuất hợp lý, phối hợp tối ưu các quyền tài sản của các chủ thể kinh doanh. Nhà nước phân phối và sử dụng các nguồn tài chính bằng cách tạo ra các xí nghiệp nhà nước mới hay mở rộng các xí nghiệp hiện có và bằng các đơn đặt hàng của nhà nước đối với các xí nghiệp tư nhân.

Khu vực nhà nước phải thực hiện những nhiệm vụ kinh tế mà cơ chế thị trường không thể giải quyết được. Những nhiệm vụ đó bao gồm việc tạo ra những phúc lợi kinh tế, xã hội mà khu vực tư nhân không thể sản xuất được hoặc không thể sản xuất với chi phí nhỏ nhất. Những phúc lợi đó gọi là phúc lợi chung vì chúng tiêu dùng chung cho xã hội. Những của cải đó bao gồm hệ thống năng lượng, thông tin, vận tải, dịch vụ công cộng, quốc phòng, y tế, giáo dục, văn hóa, sinh thái môi trường, đảm bảo ổn định xã hội, việc làm, trật tự pháp lý...

Cần phải hiểu rằng, tỷ lệ của khu vực nhà nước là không cố định. Thường thường trong thời kỳ có tình thế cấp bách, khi có khủng hoảng kinh tế, sản xuất sút kém, hệ thống tài chính rối loạn, sự can thiệp của nhà nước vào các quá trình kinh tế được tăng cường. Ngược lại, trong thời kỳ kinh tế ổn định, sản xuất phát triển bình thường, hoạt động của cơ chế thị trường có hiệu quả, thì sự tác động của nhà nước đến các quá trình kinh tế được giảm đi.

Khu vực nhà nước, một mặt, hoạt động dựa trên các quan hệ thị trường; mặt khác, dựa trên cơ sở các biện pháp hành chính, các cơ chế phi thị trường trong phân phối các nguồn vốn cố định cho các xí nghiệp nhà nước. Tính chất hai mặt đó của bản chất kinh tế của khu vực nhà nước không ít trường hợp sử dụng các nguồn lực không hiệu quả, dẫn đến hạ thấp kết quả sản xuất. Để khắc phục điều đó, cần phải tạo ra cơ chế đặc biệt đảm bảo sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong quá trình sản xuất ra hàng

hóa công (chẳng hạn, áp dụng mô hình phối hợp công và tư (mô hình PPP - *Public Private Partnerships*) trong hoạt động dịch vụ công); trong phân phối thu nhập được tạo ra ở khu vực nhà nước phù hợp với quyền và chức năng của các chủ thể trong khu vực kinh tế này (các cơ quan nhà nước, tập thể lao động, lãnh đạo các xí nghiệp).

Khu vực nhà nước thường là giải quyết những nhiệm vụ lớn (khoa học cơ bản, quốc phòng, giáo dục) và hoạt động ở những nơi mà ở đó đầu tư tư nhân gặp nhiều rủi ro. Đó là những dự án dài hạn có giá trị lớn, nếu thiếu sự can thiệp của nhà nước thì không thể thực hiện được, hay khó thực hiện (công nghiệp hàng không, năng lượng nguyên tử và những ngành khoa học khác). Những lĩnh vực này đem lại tác động tích cực, có lợi ích xã hội lớn (thí dụ, trong lĩnh vực sinh thái), nếu thực hiện bằng các biện pháp thị trường thì sẽ bị thất bại.

Nhà nước thực hiện phối hợp các quá trình kinh tế, điều tiết và kích thích sự phát triển kinh tế phù hợp với định hướng đã lựa chọn. ở đây việc xây dựng và thực hiện chiến lược kinh tế dài hạn cần được đặc biệt chú ý, chiến lược này bao gồm những phương hướng cải tổ cơ cấu, các biện pháp bảo vệ môi trường tự nhiên, sự phát triển năng lượng, khoa học kỹ thuật...

Nhà nước xây dựng và thực thi chiến lược xã hội, đây là một trong những chiến lược chính, dài hạn bao gồm chính sách thu nhập, giá cả, việc làm, đảm bảo về mặt xã hội... Mục đích cơ bản của sự tác động điều tiết của nhà nước là làm giảm bớt sự bất bình đẳng xã hội, duy trì cân bằng lợi ích để đạt được hài hòa chung, kích thích tính tích cực của các tầng lớp, các nhóm dân cư khác nhau.

Nhà nước điều tiết nâng cao chất lượng phát triển kinh tế và cải thiện chất lượng cuộc sống, áp dụng những biện pháp kích thích sự phát triển toàn diện của người lao động, thiết lập sự kiểm tra chất lượng và sự an toàn của hàng tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, đảm bảo những điều kiện lao động và bảo hộ lao động./